

## **Bài 6. CÔNG DÂN VỚI CÁC QUYỀN TỰ DO CƠ BẢN**

### **I – MỤC TIÊU BÀI HỌC**

Học xong bài này, HS cần :

#### **1. Về kiến thức**

– Nêu được khái niệm, nội dung, ý nghĩa của các quyền : Quyền bất khả xâm phạm về thân thể ; Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm ; Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở ; Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín ; Quyền tự do ngôn luận.

– Trình bày được trách nhiệm của Nhà nước và công dân trong việc bảo đảm và thực hiện các quyền tự do cơ bản của công dân.

#### **2. Về kĩ năng**

– Phân biệt được những hành vi thực hiện đúng và hành vi xâm phạm quyền tự do cơ bản của công dân.

– Biết tự bảo vệ mình trước các hành vi xâm phạm của người khác.

---

(1) Bộ Tư pháp – Vụ Phổ biến, Giáo dục pháp luật : *Những tấm gương trong phong trào đấu tranh phòng, chống tội phạm*, Hà Nội, 2001, tr.19.

### 3. Về thái độ

- Có ý thức bảo vệ quyền tự do cơ bản của mình và tôn trọng các quyền tự do cơ bản của người khác.
- Biết phê phán các hành vi xâm phạm quyền tự do cơ bản của công dân.

## II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

### 1. Về nội dung

#### a) Trọng tâm kiến thức bài học

Bài này có 6 đơn vị kiến thức, được thực hiện trong 4 tiết. GV cần làm rõ những nội dung trọng tâm sau đây :

– Định nghĩa các quyền tự do cơ bản của công dân : Là các quyền được ghi nhận trong Hiến pháp và luật, quy định mối quan hệ cơ bản giữa Nhà nước và công dân.

– Quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân :

+ Định nghĩa.

+ Nội dung :

• Tự tiện bắt và giam, giữ người trái pháp luật là xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân, phải bị xử lý nghiêm minh theo pháp luật.

• Việc bắt và giam, giữ người chỉ được tiến hành khi thuộc một trong ba trường hợp như đã trình bày trong SGK.

– Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm :

+ Định nghĩa.

+ Hai nội dung của quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm.

– Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân :

+ Thế nào là quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân ?

+ Tự tiện vào chỗ ở của người khác, tự tiện khám chỗ ở của người khác là vi phạm pháp luật. Chỉ được khám xét chỗ ở của công dân trong hai trường hợp theo quy định của pháp luật (xem SGK).

- Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín :
- + Thế nào là quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín ?
- + Tự tiện bóc mở, thu giữ, tiêu huỷ thư, điện tín của người khác là vi phạm pháp luật và tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lí hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự (nếu gây hậu quả nghiêm trọng).

Nhà nước có trách nhiệm bảo đảm quyền tự do cơ bản của công dân ; công dân có trách nhiệm thực hiện tốt quyền tự do cơ bản của mình và tôn trọng quyền tự do cơ bản của người khác.

### ***b) Một số kiến thức mới và khó***

Trước khi đi vào từng nội dung cụ thể, cần làm rõ thế nào là *Quyền tự do cơ bản của công dân*.

Quyền tự do cơ bản của công dân là giá trị nhân văn to lớn của xã hội loài người và mang tính lịch sử đối với mỗi quốc gia – dân tộc. Đây là thành quả đấu tranh lâu dài của nhân loại tiến bộ, mà bước ngoặt được đánh dấu bằng cuộc Cách mạng Tư sản dân quyền ở Pháp năm 1789. Ở nước ta, Hiến pháp thừa nhận công dân có các quyền tự do cơ bản về thân thể, tinh thần, tự do lao động và sáng tạo, tự do kinh doanh, học tập và tự do nghiên cứu khoa học... *Các quyền này được gọi là các quyền tự do cơ bản của công dân, vì nó quy định mối quan hệ cơ bản giữa Nhà nước và công dân và vì nó được ghi nhận trong Hiến pháp – luật cơ bản của Nhà nước.*

Trong bài này, chúng ta không đặt ra mục đích tìm hiểu tất cả các quyền tự do cơ bản của công dân, mà chỉ tìm hiểu một số quyền tự do cơ bản quan trọng đầu tiên đối với mỗi công dân.

Đây là kiến thức mở rộng chung, bao trùm, cần thiết đối với GV, không nhất thiết phải giảng cho HS. Ngoài ra, cần hiểu thêm những nội dung sau đây :

#### ***\* Quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân***

- Quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân được hiểu là :
- + Về nguyên tắc, không ai có thể bị bắt nếu không có quyết định của Toà án, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện Kiểm sát, trừ trường hợp phạm tội quả tang.

Như vậy, trừ trường hợp bắt người đang phạm tội quả tang, trong mọi trường hợp khác việc bắt người chỉ được tiến hành khi có quyết định của Toà án, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện Kiểm sát.

Để bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân, chỉ những người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và chỉ trong một số trường hợp thật cần thiết mà pháp luật quy định mới được tiến hành bắt người :

- Trường hợp 1 : Bắt bị can, bị cáo để tạm giam khi có căn cứ chứng tỏ bị can, bị cáo sẽ gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc sẽ tiếp tục phạm tội.

- Trường hợp 2 : Bắt người trong trường hợp khẩn cấp.

- Trường hợp 3 : Bắt người đang bị truy nã.

Cần lưu ý rằng, trong ba trường hợp này thì trường hợp 1 và 3 đòi hỏi phải có quyết định của Tòa án, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện Kiểm sát trước khi tiến hành bắt người.

Đối với việc bắt người trong trường hợp khẩn cấp thì đòi hỏi phải có *lệnh bắt khẩn cấp* của người có thẩm quyền, đó là : Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp ; người chỉ huy đơn vị quân đội độc lập cấp trung đoàn và tương đương ; người chỉ huy đồn biên phòng ở hải đảo và biên giới ; người chỉ huy tàu bay, tàu biển khi tàu bay, tàu biển đã rời khỏi sân bay, bến cảng. Tuy nhiên, dù đã có lệnh bắt khẩn cấp rồi thì sau đó việc bắt khẩn cấp phải báo ngay cho Viện Kiểm sát cùng cấp bằng văn bản kèm theo các tài liệu liên quan để Viện Kiểm sát xem xét phê chuẩn. Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi nhận được đề nghị xét phê chuẩn, Viện Kiểm sát phải ra quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn. Nếu Viện Kiểm sát quyết định không phê chuẩn thì người đã ra lệnh bắt phải trả tự do ngay cho người bị bắt.

+ Bắt người đúng pháp luật có nghĩa là bắt người theo đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự và thủ tục.

*\* Mọi quan hệ giữa quyền bất khả xâm phạm về thân thể với quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm*

Giữa quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm có mối quan hệ mật thiết với nhau, và trong một số trường hợp cụ thể, có thể còn có sự giao thoa với nhau. Vì thế, cần có sự phân biệt các quyền này theo các dấu hiệu đã được đề cập trong SGK, cụ thể là :

– Quyền bất khả xâm phạm về thân thể đề cập tới quyền tự do của công dân, trong đó không ai có thể bị bắt, bị giam cầm một cách tự tiện, vô căn cứ từ phía cơ quan nhà nước có thẩm quyền và từ phía người khác. *Mọi hành vi bắt người, giam giữ người trái pháp luật* đều phải bị xử lý theo quy định của pháp luật hình sự.

– Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe đề cập tới việc pháp luật bảo đảm cho tính mạng, sức khỏe của công dân được an toàn, trong đó có :

quyền được sống của con người (được bảo đảm an toàn tính mạng) và quyền được bảo vệ trước mọi hành vi côn đồ, hung hãn, đánh người gây thương tích. Mọi hành vi làm tổn hại đến tính mạng của người khác (như giết người, làm chết người), đánh người gây thương tích hoặc làm tổn hại cho sức khỏe của người khác đều phải bị xử lý theo quy định của pháp luật hình sự.

*\* Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân*

Quyền này được hiểu theo nghĩa :

– Về nguyên tắc, không một ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu không được người đó đồng ý.

– Chỉ được phép khám chỗ ở của công dân trong những trường hợp do pháp luật quy định và chỉ những người có thẩm quyền theo quy định của *Bộ luật Tố tụng Hình sự* mới có quyền khám. Tránh mọi trường hợp lợi dụng hoặc tùy tiện.

*\* Trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm các quyền tự do cơ bản của công dân*

Quyền tự do cơ bản của công dân không chỉ được quy định trong Hiến pháp và luật, mà điều quan trọng là phải được bảo đảm thực hiện một cách hữu hiệu. Trách nhiệm này trước tiên và cơ bản thuộc về Nhà nước, trong đó vai trò quan trọng thuộc về các cơ quan bảo vệ pháp luật như Tòa án, Viện Kiểm sát, các cơ quan điều tra các cấp. Điều quan trọng nhất là Nhà nước, thông qua các quy định của pháp luật, trừng trị nghiêm khắc các hành vi xâm phạm tới quyền tự do về thân thể của công dân, sao cho mọi hành vi vi phạm đều bị xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

## **2. Về phương pháp và hình thức tổ chức dạy học**

### ***a) Phương pháp dạy học***

Đây là bài học có nội dung pháp lý phức tạp thuộc lĩnh vực *Luật Hiến pháp, Luật Tố tụng Hình sự, Luật Hình sự, Luật Hành chính*. Khi dạy bài này GV có thể kết hợp sử dụng các phương pháp : thuyết trình, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm, đàm thoại.

### ***b) Hình thức tổ chức dạy học***

– Bài học này có nhiều nội dung khó hiểu, khó nhớ nên GV cần yêu cầu HS đọc trước ở nhà.

– Học theo lớp kết hợp với tổ chức thảo luận theo nhóm và học cá nhân.

### 3. Về phương tiện dạy học

- SGK, SGV Giáo dục công dân 12 ;
- *Hiến pháp năm 1992, Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003, Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) ;*
- Sách tham khảo : Tình huống Giáo dục công dân 12 ; Bài tập trắc nghiệm Giáo dục công dân 12 ;
- Giấy khổ lớn, bút dạ ;
- Đầu video, máy chiếu ;
- Máy vi tính (nếu sử dụng giáo án điện tử) ;
- Tranh ảnh, băng hình ;
- Sơ đồ, bảng, biểu.

### 4. Về kiểm tra, đánh giá

#### a) Gợi ý trả lời một số câu hỏi và làm bài tập trong SGK

*\* Các câu trong phần II – Nội dung bài học*

*Điểm b mục 1 :*

- Câu 1 : Công dân – HS cũng như mọi công dân nói chung trên đất nước ta đều được hưởng quyền này theo quy định của Hiến pháp và luật. Hiến pháp và luật nước ta quy định : Mọi công dân thuộc các đối tượng, lứa tuổi khác nhau đều được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm ; Mọi hành vi xâm phạm tới quyền này của công dân đều bị xử lí nghiêm minh theo pháp luật.

- Câu 2 : Nếu tính mạng, sức khỏe của một người luôn bị đe dọa thì cuộc sống của người đó thật bất an, không thể yên ổn để lao động, học tập, công tác, vì tính mạng, sức khỏe là vốn quý nhất của con người. Nếu tính mạng, sức khỏe của nhiều người luôn bị đe dọa thì trật tự, an ninh xã hội không được bảo đảm, xã hội sẽ dễ rơi vào tình trạng hỗn loạn, không thể phát triển lành mạnh được.

*Điểm c mục 1 :*

Hành vi của ông A vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân, vì ông A đã tự tiện xông vào nhà của ông B khi không có sự đồng ý của ông B. Nếu đối chiếu cả với hai trường hợp được phép khám chỗ ở của công dân thì hành vi của ông A cũng không nằm trong hai trường hợp này.

*\* Các câu trong phần IV – Câu hỏi và bài tập*

*Câu 1 :*

– Các quyền tự do cơ bản của công dân là các quyền quy định mối quan hệ cơ bản giữa Nhà nước và công dân, được quy định trong Hiến pháp và luật.

– Các quyền tự do cơ bản của công dân cần phải được quy định trong Hiến pháp, vì : Đây là các quyền liên quan đến con người cần phải được quy định trong văn bản có giá trị pháp lí cao nhất nhằm đảm bảo sự thống nhất trong việc áp dụng, tránh mọi sự tùy tiện.

*Câu 2 :*

Có thể nêu các ví dụ sau :

– Ví dụ 1 : Ông A nghi cho em H (là trẻ em hàng xóm) lấy trộm đồ dùng nhà mình nên trói em lại để tra khảo.

Hành vi của ông A là vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân, vì theo quy định của pháp luật ông A không có quyền này.

– Ví dụ 2 : Hai bạn HS lớp 12 cãi nhau to tiếng ngoài đường, bị cảnh sát trật tự bắt giam trong thời gian 2 tiếng.

Theo quy định tại Điều 43, 45 Pháp lệnh Xử lí vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2008), hành vi này của cảnh sát trật tự là vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân, vì cảnh sát trật tự không có quyền này và hành vi cãi nhau chưa phải đến mức bị bắt giam.

*Câu 3 :*

Không phải trong mọi trường hợp công an đều có quyền bắt người, vì chỉ những người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và chỉ trong trường hợp mà pháp luật quy định mới có quyền bắt người.

*Câu 6 :*

Có thể nêu các ví dụ : Một người tự tiện bóc thư của người khác, một người nghe trộm điện thoại của người khác, một người cất giấu điện tín của người khác, sau đó dựa vào nội dung bài học để chứng minh.

*Câu 7 :*

HS trung học phổ thông có thể sử dụng quyền tự do ngôn luận bằng cách :

– Phát biểu trong các cuộc họp để xây dựng trường, lớp mình.

– Viết bài gửi đăng báo bày tỏ ý kiến về chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước ; góp ý với cán bộ, công chức nhà nước ;...

– Có thể đóng góp ý kiến, đề xuất với đại biểu Hội đồng nhân dân xã, huyện, tỉnh và với đại biểu Quốc hội trong những lần các đại biểu tiếp xúc với cử tri.

*Câu 9 :*

Hành vi giam người của ông Trưởng công an xã là trái pháp luật, vì :

- Trường hợp của H và T chưa đến mức phải bắt giam.
- Bắt giam người nhưng không có quyết định bằng văn bản.
- Không cho người bị giam ăn, làm tổn hại đến sức khỏe của họ.

Ông Trưởng công an xã đã xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.

*Câu 10 :*

Đáp án đúng : d, g, h.

*Câu 11 :*

Đáp án đúng : b, d, e.

*Câu 12 :*

- Cột 1 : Các hành vi 3, 5
- Cột 2 : Các hành vi 2, 4
- Cột 3 : Các hành vi 1, 6
- Cột 4 : Hành vi 9
- Cột 5 : Các hành vi 7, 8.

#### ***b) Gợi ý kiểm tra, đánh giá***

– Có thể kiểm tra, đánh giá theo các câu hỏi và bài tập : 1, 2, 5, 7, 9, 10, 11, 12.

– Có thể kiểm tra, đánh giá theo các câu hỏi nhỏ :

+ Theo em, thế nào là bắt người đúng pháp luật ?

+ Thế nào là xâm phạm tới thân thể, tính mạng, sức khỏe của người khác ?

Nêu ví dụ.

### **III – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC**

#### **1. Phần mở đầu**

GV có thể mở đầu bài học bằng các cách sau :

- Trực tiếp như phần *Mở đầu bài học* trong SGK.



- Trực tiếp như đoạn mở đầu trong phần *Nội dung bài học* trong SGK.
- Có thể mở đầu gián tiếp bằng cách nêu câu hỏi gợi mở cho HS : Là HS phổ thông, em thấy mình có những quyền tự do nào theo quy định của Hiến pháp ?

## **2. Phần tổ chức dạy học các đơn vị kiến thức**

*a) Dạy học đơn vị kiến thức 1 : Quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.*

*\* Mức độ kiến thức*

HS cần nắm được :

- Thế nào là quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.
- Nội dung quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân.

*\* Cách thực hiện*

Đơn vị kiến thức này khó nhất trong toàn bộ nội dung bài học.

Dạy đơn vị kiến thức này chủ yếu bằng phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm.

- GV có thể sử dụng tình huống trong điểm a, mục 1 về việc làm của công an xã làm câu hỏi đàm thoại : *Tại sao việc làm này của công an xã là vi phạm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân ?*

- HS trao đổi, trả lời.

- Trên cơ sở HS đã chuẩn bị bài học, GV có thể đặt câu hỏi : *Thế nào là quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân ?*

+ Cả lớp trao đổi, đàm thoại.

+ Sau 2 câu hỏi trên, GV làm cho HS hiểu rõ : Quyền bất khả xâm phạm về thân thể có nghĩa là : Không ai có thể bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện Kiểm sát, trừ trường hợp phạm tội quả tang.

Theo nội dung của quyền bất khả xâm phạm về thân thể thì không ai được tự tiện bắt người. Hành vi tự tiện bắt người là hành vi xâm phạm đến quyền tự do về thân thể của công dân, là hành vi trái pháp luật.

- GV đặt tiếp câu hỏi : *Vậy có khi nào pháp luật cho phép bắt người không ?*

+ Lớp trao đổi, đàm thoại.

+ GV kết luận : Có 3 trường hợp pháp luật cho phép bắt người, đó là :

- Trường hợp 1 : Viện Kiểm sát, Tòa án trong phạm vi thẩm quyền mà pháp luật cho phép có quyền quyết định bắt bị can, bị cáo để tạm giam, khi có căn cứ xác đáng chứng tỏ bị can, bị cáo sẽ gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc sẽ tiếp tục phạm tội.

- Trường hợp 2 : Bắt người trong trường hợp khẩn cấp (theo nội dung trong SGK).

- Bắt người đang phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã (theo nội dung trong SGK).

GV cần lưu ý cho HS về 3 trường hợp này :

- Trong trường hợp 1, việc bắt người chỉ được tiến hành khi có quyết định của Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát, Tòa án.

- Trong trường hợp 2, việc bắt người khẩn cấp cũng cần phải có phê chuẩn của Viện Kiểm sát sau khi tiến hành bắt.

- Trong trường hợp thứ 3, người đang bị truy nã là người đang có lệnh truy nã của Cơ quan điều tra, Tòa án, Viện Kiểm sát, nghĩa là đã có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Khi đó ai cũng có quyền bắt và giải ngay đến Cơ quan công an, Viện Kiểm sát hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất. Còn đối với người đang phạm tội quả tang thì ai cũng có quyền bắt mà không cần phải có lệnh hay quyết định của cơ quan nhà nước.

Như vậy, chỉ có người đang phạm tội quả tang thì mới có thể bị bắt mà không cần lệnh hay quyết định nào cả ; còn các trường hợp khác thì việc bắt người đều phải có quyết định hoặc phê chuẩn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

– GV đặt câu hỏi : Tại sao pháp luật lại cho phép bắt người trong những trường hợp này ?

+ HS trao đổi, đàm thoại.

+ GV kết luận : Vì để giữ gìn trật tự, an ninh, để điều tra tội phạm, để ngăn chặn tội phạm.

***b) Dạy học đơn vị kiến thức 2 : Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân.***

\* *Mức độ kiến thức*

– HS hiểu được :

+ Thế nào là quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân.

+ Nội dung quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân.

+ Ý nghĩa quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân.

*\* Cách thực hiện*

Có thể sử dụng phương pháp giải quyết vấn đề, đàm thoại, thuyết trình, thảo luận nhóm, đóng vai để dạy đơn vị kiến thức này.

– GV có thể sử dụng câu hỏi dẫn dắt, kết nối trong *Nội dung thứ nhất* để hỏi cả lớp :

+ Theo em, nếu tính mạng, sức khỏe của một người luôn bị đe dọa thì cuộc sống của người đó sẽ thế nào ?

+ Nếu tính mạng, sức khỏe của nhiều người luôn bị đe dọa thì xã hội sẽ thế nào ? Có phát triển lành mạnh được không ?

– Sau khi HS trả lời, GV chốt lại những ý chính theo gợi ý ở trên.

– GV có thể tổ chức cho HS thảo luận nhóm theo câu hỏi : Đối với quyền này của công dân, pháp luật nước ta nghiêm cấm những hành vi nào ?

– Các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

– GV kết luận : Pháp luật nước ta nghiêm cấm những hành vi :

+ Đánh người (đặc biệt là đánh người gây thương tích, làm tổn hại cho sức khỏe của người khác).

+ Giết người, đe dọa giết người, làm chết người.

+ Xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác.

– GV có thể chuẩn bị tình huống về trường hợp xâm phạm tới danh dự, nhân phẩm của người khác, cho HS đóng vai, hoặc sử dụng các tình huống và ví dụ trong SGK cho HS thảo luận hoặc đóng vai.

– GV nêu câu hỏi đàm thoại : Thế nào là xâm phạm tới danh dự và nhân phẩm của người khác ?

– Cả lớp đàm thoại.

– GV kết luận : Đó là các hành vi bịa đặt điều xấu, nói xấu, xúc phạm người khác gây thiệt hại về uy tín và danh dự của người đó.

*c) **Day học đơn vị kiến thức 3 : Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.***

*\* **Mức độ kiến thức***

HS hiểu được :

- Thế nào là quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.
- Nội dung quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân.

*\* **Cách thực hiện***

Với đơn vị kiến thức này, có thể sử dụng phương pháp đàm thoại kết hợp với thuyết trình và tổ chức thảo luận nhóm. GV cũng có thể tổ chức thảo luận nhóm về các tình huống trong SGK, từ đó dẫn dắt HS đi đến nội dung kiến thức.

- GV nêu câu hỏi để cả lớp trao đổi, đàm thoại : *Có thể tự ý vào chỗ ở của người khác khi chưa được người đó đồng ý hay không ?*

- Cả lớp trao đổi, đàm thoại.

- GV kết luận : Về mặt nguyên tắc, không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu không được người đó cho phép. Tự tiện vào chỗ ở của người khác, tự tiện khám chỗ ở của người khác là vi phạm pháp luật, tùy theo mức độ vi phạm khác nhau mà có thể bị xử lý theo pháp luật.

- GV nêu tiếp câu hỏi : *Có khi nào pháp luật cho phép khám xét chỗ ở của công dân ? Đó là các trường hợp nào ?*

- Cả lớp trao đổi, thảo luận.

- GV kết luận :

+ Pháp luật cho phép khám chỗ ở của một người trong hai trường hợp :

• Khi có căn cứ để khẳng định chỗ ở, địa điểm của người nào đó có công cụ, phương tiện để thực hiện tội phạm hoặc có đồ vật liên quan đến vụ án.

• Khi cần bắt người đang bị truy nã hoặc người phạm tội đang lẩn tránh ở đó.

Trong cả hai trường hợp được phép khám xét chỗ hoặc nơi làm việc của công dân thì việc khám xét cũng phải theo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật :

+ Chỉ được tiến hành trong trường hợp thật cần thiết và chỉ những người do pháp luật quy định thuộc Viện Kiểm sát, Tòa án nhân dân, Cơ quan điều tra mới có quyền ra lệnh khám.

+ Khi khám chỗ ở, địa điểm phải có mặt chủ nhà hoặc người đã thành niên trong gia đình, có đại diện của chính quyền xã (phường, thị trấn) và người láng giềng chứng kiến. Không được khám vào ban đêm, trừ trường hợp không thể trì hoãn được, nhưng phải ghi rõ lí do vào biên bản.

– GV có thể tổ chức cho HS thảo luận nhóm về bài tập tình huống trong mục này.

+ Các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

+ GV kết luận : Hành vi của bố con ông A đã vi phạm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân, vì :

- Chỉ những người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật thuộc Tòa án, Viện Kiểm sát, Cơ quan điều tra mới có quyền khám chỗ ở của công dân. Bố con ông A không có thẩm quyền này.

- Việc khám xét phải được tiến hành theo trình tự, thủ tục (như hướng dẫn trên đây), mà không được tự tiện xông vào nhà để khám.

**d) *Day học đơn vị kiến thức 4 : Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.***

*\* Mức độ kiến thức*

HS hiểu được khái niệm và nội dung quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.

*\* Cách thực hiện*

Trong mục này, nên sử dụng phương pháp thảo luận nhóm, đàm thoại, đóng vai.

– GV có thể tổ chức cho HS thảo luận nhóm bằng cách giao nhiệm vụ cho các nhóm viết ra giấy khổ lớn theo hai loại câu hỏi :

+ Thế nào là bí mật, an toàn thư tín của công dân ?

+ Thế nào là quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín ?

– Các nhóm trình bày kết quả thảo luận và bổ sung ý kiến cho nhau.

– GV kết luận :

+ Đối với câu hỏi 1 : An toàn và bí mật thư tín có nghĩa là :

- Thư tín, điện thoại, điện tín của công dân là phương tiện dùng để thăm hỏi, trao đổi tin tức hoặc cùng nhau bàn bạc công việc sản xuất – kinh doanh, rất cần thiết trong đời sống của mỗi công dân.

• Thư tín, điện thoại điện tín là phương tiện sinh hoạt thuộc đời sống tinh thần của mỗi con người, thuộc về bí mật đời tư của cá nhân, cần phải được bảo đảm an toàn và bí mật.

+ Đối với câu hỏi 2 : Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín có nghĩa là :

- Không ai được tự tiện bóc mở, thu giữ, tiêu huỷ thư, điện tín của người khác.
- Chỉ những người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và chỉ trong trường hợp cần thiết mới có quyền kiểm soát thư, điện thoại, điện tín của người khác.
- Người nào tự tiện bóc, mở thư, tiêu huỷ thư, điện tín của người khác sẽ bị xử lí theo pháp luật (xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của các văn bản pháp luật liên quan, ví dụ : Bộ luật Hình sự).

**e) *Đạy học đơn vị kiến thức 5 : Quyền tự do ngôn luận.***

*\* Mức độ kiến thức*

HS hiểu được khái niệm và nội dung của quyền tự do ngôn luận.

*\* Cách thực hiện*

Phương pháp chủ đạo là phương pháp đàm thoại và phương pháp thảo luận nhóm.

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm theo hai loại nhiệm vụ :

+ Kẻ bảng, phân biệt quyền tự do ngôn luận trực tiếp và quyền tự do ngôn luận gián tiếp.

+ Trả lời theo câu hỏi trong SGK : Là HS phổ thông, em đã thực hiện quyền tự do ngôn luận của mình ở trường, lớp như thế nào ?

– Các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

– Các nhóm khác trao đổi, bổ sung.

– GV kết luận.

**g) *Đạy học đơn vị kiến thức 6 : Trách nhiệm của Nhà nước và công dân trong việc bảo đảm và thực hiện quyền tự do cơ bản của công dân.***

*\* Mức độ kiến thức*

HS hiểu được :

– Nhà nước xây dựng và ban hành hệ thống pháp luật, tổ chức bộ máy các cơ quan bảo vệ pháp luật để bảo đảm thực hiện các quyền tự do cơ bản của công dân.

– Trách nhiệm của công dân : tìm hiểu pháp luật về các quyền tự do cơ bản ; phê phán, đấu tranh, tố cáo các hành vi vi phạm ; giúp đỡ cán bộ nhà nước thi hành công vụ ; rèn luyện, nâng cao ý thức pháp luật.

*\* Cách thực hiện*

GV sử dụng phương pháp thuyết trình và đàm thoại, có thể kết hợp tổ chức thảo luận nhóm về trách nhiệm công dân.

– GV cần giảng giải cho HS hiểu rõ trách nhiệm của Nhà nước và công dân : Nhà nước bảo đảm các quyền tự do cơ bản của công dân ; Công dân thực hiện tốt các quyền tự do cơ bản của mình và tôn trọng các quyền tự do cơ bản của người khác.

– GV có thể đặt câu hỏi : Nhà nước bảo đảm các quyền tự do cơ bản của công dân như thế nào ?

– HS trao đổi, trả lời.

– GV kết luận : Nhà nước bảo đảm bằng cách :

+ Xây dựng và ban hành hệ thống pháp luật quy định quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan, cán bộ, công chức nhà nước về bảo đảm thực hiện các quyền tự do cơ bản của công dân.

+ Bằng pháp luật, Nhà nước nghiêm khắc trừng trị các hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm tới các quyền tự do cơ bản của công dân.

GV có thể nêu một số quy định về các tội phạm hình sự ở phần *Tư liệu tham khảo* trong SGK.

+ Nhà nước xây dựng bộ máy các cơ quan bảo vệ pháp luật từ trung ương đến địa phương để bảo vệ các quyền tự do cơ bản của công dân.

– GV tổ chức đàm thoại cho cả lớp : Theo em, công dân có thể làm gì để thực hiện các quyền tự do cơ bản của mình ?

– Cả lớp đàm thoại.

– GV kết luận :

+ Công dân cần học tập, tìm hiểu pháp luật.

+ Công dân có trách nhiệm phê phán, đấu tranh và tố cáo các hành vi vi phạm quyền tự do cơ bản của công dân.

+ Công dân cần tích cực giúp đỡ cán bộ có thẩm quyền thi hành quyết định bắt người, khám người, khám chỗ ở trong trường hợp cần thiết mà pháp luật quy định.

+ Ngoài ra, công dân cần rèn luyện nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật, tôn trọng các quyền tự do cơ bản của công dân.

### **3. Phần củng cố**

– Với bài này, GV nên củng cố bài học theo từng đơn vị kiến thức, sau đó củng cố toàn bài. Có thể sử dụng các bài tập 10, 11, 12 trong phần *Câu hỏi và bài tập* và sử dụng một số bài tập trong sách *Tình huống Giáo dục công dân 12* và *Bài tập trắc nghiệm Giáo dục công dân 12* để củng cố kiến thức.

– GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi và làm bài tập ở nhà.

## **IV – TƯ LIỆU THAM KHẢO**

### **1. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003**

#### ***Điều 4. Tôn trọng và bảo vệ các quyền cơ bản của công dân***

Khi tiến hành tố tụng, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên, Chánh án, Phó Chánh án Tòa án, Thẩm phán, Hội thẩm trong phạm vi trách nhiệm của mình phải tôn trọng và bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, thường xuyên kiểm tra tính hợp pháp và sự cần thiết của những biện pháp mà mình đã áp dụng, kịp thời huỷ bỏ hoặc thay đổi những biện pháp đó nếu xét thấy có vi phạm pháp luật hoặc không còn cần thiết nữa.

#### ***Điều 79. Các biện pháp và căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn***

Để kịp thời ngăn chặn tội phạm hoặc khi có căn cứ chứng tỏ bị can, bị cáo sẽ gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc sẽ tiếp tục phạm tội, cũng như khi cần bảo đảm thi hành án, Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát, Tòa án trong phạm vi thẩm quyền tố tụng của mình hoặc người có thẩm quyền theo quy định của Bộ luật này có thể áp dụng một trong những biện pháp ngăn chặn sau đây : bắt, tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú, bảo lãnh, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm.



**Điều 80. Bắt bị can, bị cáo để tạm giam**

1. Những người sau đây có quyền ra lệnh bắt bị can, bị cáo để tạm giam :

a) Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân và Viện Kiểm sát quân sự các cấp ;

b) Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân và Tòa án quân sự các cấp ;

c) Thẩm phán giữ chức vụ Chánh toà, Phó Chánh toà Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao ; Hội đồng xét xử ;

d) Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp. Trong trường hợp này, lệnh bắt phải được Viện Kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành.

2. Lệnh bắt phải ghi rõ ngày, tháng, năm, họ tên, chức vụ của người ra lệnh ; họ, tên, địa chỉ của người bị bắt và lí do bắt. Lệnh bắt phải có chữ kí của người ra lệnh và có đóng dấu.

Người thi hành lệnh phải đọc lệnh, giải thích lệnh, quyền và nghĩa vụ của người bị bắt và phải lập biên bản về việc bắt.

Khi tiến hành bắt người tại nơi người đó cư trú phải có đại diện chính quyền xã, phường, thị trấn và người láng giềng của người bị bắt chứng kiến. Khi tiến hành bắt người tại nơi người đó làm việc phải có đại diện cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng kiến. Khi tiến hành bắt người tại nơi khác phải có sự chứng kiến của đại diện chính quyền xã, phường, thị trấn nơi tiến hành bắt người.

3. Không được tiến hành bắt người vào ban đêm, trừ trường hợp bắt khẩn cấp, phạm tội quả tang hoặc bắt người đang bị truy nã quy định tại Điều 81 và Điều 82 của Bộ luật này.

**Điều 140. Căn cứ khám người, chỗ ở, chỗ làm việc, địa điểm, đồ vật, thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm**

1. Việc khám người, chỗ ở, chỗ làm việc, địa điểm chỉ được tiến hành khi có căn cứ để nhận định trong người, chỗ ở, chỗ làm việc, địa điểm của một người có công cụ, phương tiện phạm tội, đồ vật, tài sản do phạm tội mà có hoặc đồ vật, tài liệu khác có liên quan đến vụ án.

2. Việc khám chỗ ở, chỗ làm việc, địa điểm cũng được tiến hành khi cần phát hiện người đang bị truy nã.

3. Khi cần phải thu thập tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án thì có thể khám thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm.